

KẾ HOẠCH
Tổ chức thực hiện Kiểm tra định kỳ cuối học kỳ I
Năm học 2023-2024

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 8 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành Quy định đánh giá học sinh tiểu học;

Căn cứ Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 9 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Sửa đổi bổ sung một số điều của Quy định đánh giá học sinh tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 4 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành Quy định đánh giá học sinh tiểu học;

Căn cứ văn bản số 3863/GDĐT-TH ngày 18/11/2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn đánh giá học sinh tiểu học theo Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT;

Căn cứ Quyết định số 3260/QĐ-UBND ngày 05 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về Ban hành kế hoạch thời gian năm học 2023-2024 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn Thành phố;

Căn cứ Công văn số 987/GDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2023 của Phòng GD&ĐT quận Gò Vấp về hướng dẫn chuyên môn cấp tiểu học năm học 2023-2024;

Căn cứ Kế hoạch số 169/KH-TH.HT ngày 11 tháng 9 năm 2023 của Trường Tiểu học Hanh Thông về Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học, năm học 2023-2024;

Căn cứ tình hình thực tế đơn vị, Trường Tiểu học Hanh Thông xây dựng kế hoạch tổ chức kiểm tra định kỳ Cuối HKI như sau:

I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU

1. Mục đích

- Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT, Thông tư 22/2016/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với lớp 5 và Thực hiện theo Điều 7 Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành quy định đánh giá học sinh tiểu học đối với lớp 1, 2, 3, 4.

- Kiểm tra cuối học kỳ I là việc làm bình thường nhằm nắm bắt tình hình học sinh trong công tác giáo dục của nhà trường.

- Nhắc nhở giáo viên không gây áp lực cho cha mẹ học sinh và các em học sinh trước khi kiểm tra. Trong khi kiểm tra, giáo viên chủ nhiệm coi kiểm tra tại lớp mình phụ trách, tổ chức cho học sinh làm dưới dạng một bài kiểm tra bình thường, nghiêm túc, nhẹ nhàng, không gây căng thẳng.

- Khi chấm bài, giáo viên ghi nhận những hạn chế của học sinh trong quá trình làm bài, kèm theo lời nhận xét tường minh để giúp giáo viên và phụ huynh có cơ sở tập trung bồi dưỡng và rèn luyện cho học sinh trong học kỳ II.

2. Yêu cầu

Nội dung kiểm tra đảm bảo các nguyên tắc:

- Đối với các môn kiểm tra cần bám sát những quy định tại Điều 10, Thông tư 22/2014/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 9 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đồng thời tiếp tục bám sát các hướng dẫn cụ thể tại Công văn 4057/GDDĐT-TH ngày 23 tháng 11 năm 2016 của Sở Giáo dục và Đào tạo và những quy định tại Điều 7, Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 9 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo đồng thời tiếp tục bám sát các hướng dẫn cụ thể tại Công văn số 3863/GDDĐT-TH ngày 18/11/2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn đánh giá học sinh tiểu học theo Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT đối với HS lớp 1, 2, 3, 4.

- Căn cứ theo Chuẩn Kiến thức, Kỹ năng các môn học và định hướng phát triển năng lực học sinh, chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Câu lệnh trong đề kiểm tra cần tường minh, chặt chẽ, khoa học.

- Có tính phân hóa cho từng đối tượng học sinh, được thiết kế theo 4 mức độ quy định tại Điều 10, Thông tư 22/2014/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 9 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và 3 mức độ quy định tại Điều 7, Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 9 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với HS lớp 1, 2, 3, 4.

- Các môn học được đánh giá định kỳ cuối năm học gồm: Tiếng Việt, Toán, Khoa học, Lịch sử và Địa lí, Ngoại ngữ, Tin học, Công nghệ.

- Môn Tiếng Anh: Hiệu trưởng chỉ đạo tổ chuyên môn ra đề kiểm tra chung cho tất cả các khối.

- Đề kiểm tra cần được xem xét cẩn thận, tránh sai sót.

II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thời gian thực hiện kiểm tra:

Từ ngày 26/12/2023 đến 5/01/2024.

* Các môn Tin học được kiểm tra theo lịch học các lớp (Từ tuần 17,18)

2. Hình thức tổ chức:

- Học sinh được kiểm tra tại lớp.

3. Các môn thực hiện kiểm tra cuối học kỳ I:

- Thực hiện theo quy định tại Điều 10 Thông tư 22/2014/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 9 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với lớp 5 và Điều 7, Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 9 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với HS lớp 1,2,3,4.

III. ĐỀ VÀ NỘI DUNG KIỂM TRA

1. Đề kiểm tra

- Nội dung đề kiểm tra định kỳ các môn học phải đảm bảo:

+ Phù hợp theo Chuẩn Kiến thức, Kỹ năng các môn học và định hướng phát triển năng lực học sinh, chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đồng thời thực hiện đúng các chỉ đạo, rút kinh nghiệm của các cấp quản lý giáo dục.

+ Các câu hỏi phải đảm bảo tính chặt chẽ, logic với câu lệnh rõ ràng.

+ Mỗi mức độ nhận thức phải đảm bảo phân hóa được đối tượng học sinh trong quá trình đánh giá. Tránh ra nhiều các câu hỏi quá dễ (học sinh nào cũng làm được) hoặc những câu hỏi quá khó (không học sinh nào làm được).

- Trường ra đề, sao in và giao đến các lớp.

2. Việc ra đề kiểm tra cuối học kì I

*** Đối với lớp 1, 2, 3, 4**

Thực hiện theo Điều 7 Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành quy định đánh giá học sinh tiểu học. Đề kiểm tra phù hợp yêu cầu cần đạt của Chương trình giáo dục phổ thông đối với từng khối lớp, từng mạch kiến thức, kĩ năng và cách triển khai các mạch này trong sách giáo khoa nhà trường sử dụng, gồm các câu hỏi, bài tập được thiết kế theo các mức như sau:

- Mức 1: Nhận biết, nhắc lại hoặc mô tả được nội dung đã học và áp dụng trực tiếp để giải quyết một số tình huống, vấn đề quen thuộc trong học tập: 50%

- Mức 2: Kết nối, sắp xếp được một số nội dung đã học để giải quyết vấn đề có nội dung tương tự: 30%

- Mức 3: Vận dụng các nội dung đã học để giải quyết một số vấn đề mới hoặc đưa ra những phản hồi hợp lý trong học tập và cuộc sống: 20%

Đồng thời tiếp tục bám sát các hướng dẫn cụ thể tại Công văn số 3863/GDĐT-TH ngày 18/11/2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn đánh giá học sinh tiểu học theo Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT đối với HS lớp 1 và Tham khảo hướng dẫn *Phụ lục 1* đối với HS lớp 2, 3, 4.

*** Đối với lớp 5**

- Thực hiện theo hướng dẫn tại công văn 3694/GDĐT-TH ngày 24 tháng 10 năm 2018 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về hướng dẫn đánh giá học sinh cấp Tiểu học kể từ năm học 2018-2019.

- Đề kiểm tra cần chính xác và khoa học, đánh giá được kết quả thực chất của học sinh; đảm bảo bám sát theo chuẩn kiến thức và kỹ năng của từng khối lớp, tỷ lệ kiến thức trong đề được phân bố tương đối như sau:

+ Mức 1: Nhận biết, nhắc lại được kiến thức, kĩ năng đã học: 40%.

+ Mức 2: Hiểu kiến thức, kĩ năng đã học, trình bày, giải thích được kiến thức theo cách hiểu của cá nhân: 30%.

+ Mức 3: biết vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết những vấn đề quen thuộc, tương tự trong học tập, cuộc sống: 20%.

+ Mức 4: vận dụng các kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết vấn đề mới hoặc đưa ra những phản hồi hợp lý trong học tập, cuộc sống một cách linh hoạt: 10%

- Nhà trường thực hiện nghiêm túc việc niêm phong tủ, phòng đựng đề kiểm tra và thiết lập các biên bản theo quy định.

Căn cứ theo Phụ lục 2 Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục của từng khối lớp đã được xây dựng trong kế hoạch giáo dục nhà trường đối với lớp 1, lớp 2, lớp 3 và lớp 4; căn cứ vào nội dung dạy học, hệ thống các chuẩn kiến thức, kĩ năng được quy định trong chương trình của môn học đối với lớp 5 để xác định yêu cầu cần đạt, phạm vi và nội dung kiểm tra đến thời điểm kết thúc học kì 1.

Môn tiếng Anh: Hiệu trưởng chỉ đạo tổ chuyên môn ra đề kiểm tra chung cho các khối 3, 4, 5.

3. Việc thực hiện in sao đề kiểm tra cuối học kì I

- Việc thực hiện in sao đề phải đúng quy định và tuyệt đối bảo mật trong quá trình tổ chức kiểm tra định kỳ.

- Đề kiểm tra được Hiệu trưởng xem xét cẩn thận, tránh sai sót.

4. Nội dung hướng dẫn kiểm tra cuối học kì I

- Đối với các môn kiểm tra cần bám sát những quy định tại Điều 7, Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 9 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với HS lớp 1, 2, 3, 4 và Điều 10 Thông tư 22/2014/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 9 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với lớp 5 cụ thể đối với từng môn cần lưu ý:

4.1. Môn Toán:

*** Về ma trận:**

Căn cứ theo Phụ lục 2 Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục của từng khối lớp đã được xây dựng trong kế hoạch giáo dục nhà trường đối với lớp 1, lớp 2, lớp 3 và lớp 4; căn cứ vào nội dung dạy học, hệ thống các chuẩn kiến thức, kỹ năng được quy định trong chương trình của môn học đối với lớp 5 để xác định yêu cầu cần đạt, phạm vi và nội dung kiểm tra đến thời điểm kết thúc học kì 1.

Số lượng câu hỏi phụ thuộc vào mức độ quan trọng của mỗi nội dung cần đánh giá, lượng thời gian làm bài kiểm tra và số điểm quy định cho từng mạch kiến thức, từng mức độ nhận thức.

*** Về nội dung:**

Căn cứ vào ma trận đã thiết kế để xây dựng hệ thống câu hỏi, nên đa dạng hình thức trắc nghiệm. Nội dung cần tập trung kiểm tra sẽ được ưu tiên chọn trước, các nội dung khác sẽ được cân nhắc lựa chọn sau.

Các câu hỏi phải đảm bảo tính chặt chẽ, logic với câu lệnh rõ ràng.

Mỗi mức độ nhận thức phải đảm bảo phân hóa được đối tượng học sinh trong quá trình đánh giá. Tránh ra nhiều các câu hỏi quá dễ (học sinh nào cũng làm được) hoặc những câu hỏi quá khó (không học sinh nào làm được).

c) Đối với các mạch kiến thức:

- Số học (khoảng 50%): Củng cố về các vòng số và các phép tính trên các vòng số.

- Đại lượng và đo đại lượng (khoảng 30%) : tập trung về các bảng đơn vị đo.

- Yếu tố hình học (khoảng 20%): Xoay quanh các hình trọng tâm trong chương trình đã học.

- Giải toán có lời văn: tăng cường các bài toán phát triển năng lực, thông qua các tình huống trong thực tế cuộc sống được tích hợp vào trong ba mạch kiến thức trên với mức độ khác nhau, chủ yếu ở mức độ vận dụng. Không ra các dạng toán khó trong chương trình bồi dưỡng học sinh giỏi. Lưu ý:

+ Lớp 1: Nhìn mô hình điền phép tính.

+ Lớp 2: 1 lời giải và 1 phép tính.

+ Lớp 3: tối đa 2 lời giải và 2 phép tính.

+ Lớp 4: tối đa 3 lời giải và 3 phép tính.

+ Lớp 5: tối đa 4 lời giải và 4 phép tính.

*** Lưu ý: Cấu trúc bài kiểm tra định kì môn Toán lớp 3, 4**

- Nội dung kiểm tra định kì cần được xác định rõ ràng theo mạch kiến thức, kỹ năng môn học đến trong học kỳ I hoặc cả năm học. Căn cứ vào mạch kiến thức theo từng giai đoạn để xác định tỉ lệ phần trăm của các mạch kiến thức. Ví dụ: Giai đoạn cuối năm, mạch số và phép tính chiếm 70%, hình học đo lường chiếm 22%, một số yếu tố thống kê và xác suất chiếm 3%, hoạt động trải nghiệm chiếm 5%. Có thể linh

hoạt lồng ghép các mạch kiến thức, chẳng hạn có thể lồng ghép một số yếu tố xác suất thống kê vào hình học đo lường để được 25%.

- Hình thức kiểm tra kết hợp hai hình thức: trắc nghiệm khách quan và tự luận theo tỉ lệ 30% trắc nghiệm, 70% tự luận.

- Tỉ lệ giữa các mức độ: mức 1 khoảng 50%, mức 2 khoảng 30%, mức 3 khoảng 20%.

*** Về hình thức:**

Hình thức kiểm tra: kết hợp trắc nghiệm khách quan và tự luận trong đó trắc nghiệm khoảng 30%, tự luận khoảng 70%.

*** Về đáp án và biểu điểm chấm:**

Xây dựng đáp án, biểu điểm, hướng dẫn chấm chi tiết. Đối với câu tự luận, căn cứ yêu cầu cần đạt; chuẩn kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra để chia nhỏ thang điểm ở từng nội dung cho thích hợp.

Thang điểm 10 là thang điểm cho toàn bài, mỗi ý hoặc câu hỏi có thể có giá trị điểm nhỏ nhất là 0,5.

4.2. Môn Tiếng Việt:

4.2.1. Việc ra đề Môn Tiếng Việt:

*** Về ma trận:**

Xây dựng ma trận cho cả năm học, từ đó xác định những kiến thức, kỹ năng cần đánh giá ở mỗi kì. Ma trận được xây dựng cần có sự bàn bạc, thống nhất trong tổ, khối chuyên môn. Lĩnh hoạt điều chỉnh tỉ lệ điểm giữa đánh giá kỹ năng đọc thành tiếng với kỹ năng đọc hiểu, kỹ năng viết kỹ thuật với kỹ năng viết đoạn văn, văn bản đối ở mỗi khối lớp. Lĩnh hoạt điều chỉnh tỉ lệ cho các mức độ câu hỏi, bài tập.

*** Về nội dung:**

- **Việc ra đề Môn Tiếng Việt 1, 2, 3, 4:** Bám sát các nội dung quy định Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT

+ **Việc ra đề Môn Tiếng Việt khối 1:** Khuyến khích sử dụng các văn bản ngoài sách giáo khoa đối với nội dung Đọc thầm; áp dụng các bài tập luyện viết (đối với học sinh lớp 1), bài tập Luyện từ và Câu mới, mẫu bài tập hướng đến khắc phục lỗi chính tả phương ngữ của học sinh theo nội dung đã được tập huấn, nội dung đề (đặc biệt là đề Đọc thầm) cần hướng đến việc kiểm tra khả năng đọc và đọc hiểu của học sinh (tiến đến khuyến khích văn hóa đọc trong các giai đoạn giảng dạy sau, ...)

+ **Việc ra đề Môn Tiếng Việt khối 2, 3:**

A. Bài kiểm tra đọc (10 điểm)

1. Đọc thành tiếng (khoảng 4 điểm)

- Đọc thành tiếng 01 đoạn/ văn bản (chọn văn bản theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn theo CTGDPT 2018), tránh sử dụng văn bản đã học. Đoạn văn bản có độ dài khoảng 60 – 65 tiếng (lớp 2), 70 – 75 tiếng (lớp 3) đọc trong thời gian 01 phút.

- Trả lời 01 câu hỏi đọc hiểu văn bản đã đọc.

2. Đọc hiểu (khoảng 6 điểm)

- Chọn văn bản để thiết kế câu hỏi, bài tập đọc hiểu theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn theo CTGDPT 2018 về độ dài, thể loại, nội dung,... Tránh sử dụng văn bản đã học.

- Câu hỏi đọc hiểu văn bản (khoảng 4 điểm), gồm:

+ 4 câu hỏi trắc nghiệm

+ 2 câu hỏi tự luận

– Câu hỏi kiến thức tiếng Việt (khoảng 2 điểm), gồm:

+ 2 câu hỏi trắc nghiệm

+ 1 câu hỏi tự luận

B. Bài kiểm tra viết (10 điểm)

1. Viết chính tả (khoảng 4 điểm)

– Viết 01 đoạn thơ, đoạn văn có độ dài khoảng 45 – 50 chữ (lớp 2); 60 – 65 chữ (lớp 3), trong thời gian 15 phút.

– Tránh sử dụng văn bản đã học.

2. Viết đoạn văn, văn bản (khoảng 6 điểm)

– Viết đoạn văn, văn bản theo một trong các yêu cầu cần đạt về kĩ năng viết đoạn văn, văn bản theo Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn đối với từng khối lớp.

– Tránh sử dụng các đề bài đã học.

* Việc đánh giá kết quả bài kiểm tra định kì của học sinh phải căn cứ vào biểu điểm và hướng dẫn chấm đã được thống nhất trong tổ, khối chuyên môn, Ban Giám hiệu phê duyệt. Kết quả bài kiểm tra định kì có tính chất củng cố kết quả đánh giá quá trình.

+ *Việc ra đề Môn Tiếng Việt khối 4:*

A. Bài kiểm tra đọc (10 điểm)

1. Đọc thành tiếng (khoảng 2 điểm)

– Đọc thành tiếng 01 đoạn/ văn bản (chọn văn bản theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn theo CTGDPT 2018), tránh sử dụng văn bản đã học. Đoạn văn bản có độ dài khoảng 70 – 80 tiếng đọc trong thời gian 01 phút.

– Trả lời 01 câu hỏi đọc hiểu văn bản đã đọc.

2. Đọc hiểu (khoảng 8 điểm)

– Chọn văn bản để thiết kế câu hỏi, bài tập đọc hiểu theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn theo CTGDPT 2018 về độ dài, thể loại, nội dung,... Tránh sử dụng văn bản đã học.

– Câu hỏi đọc hiểu văn bản (khoảng 5 điểm), gồm:

+ 4 câu hỏi trắc nghiệm

+ 3 câu hỏi tự luận

– Câu hỏi kiến thức tiếng Việt (khoảng 3 điểm), gồm:

+ 2 câu hỏi trắc nghiệm

+ 2 câu hỏi tự luận

B. Bài kiểm tra viết (10 điểm)

– Viết đoạn văn, văn bản theo một trong các yêu cầu cần đạt về kĩ năng viết đoạn văn, văn bản theo Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn đối lớp 4.

– Tránh sử dụng các đề bài đã học.

– Việc đánh giá kết quả bài kiểm tra định kì của học sinh phải căn cứ vào biểu điểm và hướng dẫn chấm đã được thống nhất trong tổ, khối chuyên môn, Ban Giám hiệu phê duyệt. Kết quả bài kiểm tra định kì có tính chất củng cố kết quả đánh giá quá trình.

– Việc ra đề Môn Tiếng Việt khối 5 bám sát các nội dung quy định tại Điều 10, Thông tư 22/2016/TT-BGDDT và công văn của Sở Giáo dục và Đào tạo về Hướng dẫn thực hiện Thông tư 22/2016/TT-BGDDT ngày 22 tháng 9 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về các mức độ nhận thức cần đạt trong đề kiểm tra.

* *Về hình thức:*

Bài đánh giá định kì cần được thiết kế khoa học, diễn đạt trong sáng; Tránh tách riêng các nội dung thành nhiều bài đánh giá.

*** Về đáp án và biểu điểm:**

Soạn chi tiết cho từng nội dung đánh giá.

4.2.2. Việc tính điểm môn Tiếng Việt:

- Việc tính điểm cho bài kiểm tra Tiếng Việt tiếp tục được thực hiện theo quy định tại Công văn số 3287/GDDT-TH ngày 08 tháng 9 năm 2017 của Sở Giáo dục và Đào tạo về Hướng dẫn chuyên môn cấp Tiểu học năm học 2017-2018.

4.3. Môn Khoa - Sử - Địa:

*** Về ma trận:**

Nội dung kiểm tra, giáo viên cần tập trung vào kiến thức cốt lõi và yêu cầu cần đạt, không đánh đố, gây khó cho học sinh. Giáo viên xây dựng ma trận theo 4 mức độ trước khi thực hiện soạn đề kiểm tra.

*** Về nội dung:**

Không kiểm tra, đánh giá vào các nội dung, các yêu cầu đã được giảm tải, các bài không dạy hoặc ở bài đọc thêm trong văn bản hướng dẫn điều chỉnh (công văn 5842/BGDĐT-VP ngày 01 tháng 9 năm 2011 về việc Hướng dẫn điều chỉnh nội dung dạy học giáo dục phổ thông và các nội dung hướng dẫn cụ thể đối với từng môn học);

Đánh giá vì sự tiến bộ của học sinh; coi trọng việc động viên, khuyến khích tích cực và vượt khó trong học tập, rèn luyện của các em; đảm bảo kịp thời, công bằng, khách quan và toàn diện.

Giáo viên cần động viên, khuyến khích học sinh tham gia các hoạt động, trò chơi Đồ em hoặc các hoạt động thư giãn có liên quan đến kiến thức Khoa, Lịch sử, Địa lí...

Khuyến khích giáo viên có nhiều hình thức tổ chức cho cha mẹ học sinh tiếp cận với lớp học trong việc phối hợp giáo dục các em.

Môn Khoa học: Kiểm tra cho điểm cuối học kì 1 và cuối năm.

Môn Lịch sử và Địa lí: Kiểm tra cho điểm cuối học kì 1 và cuối năm. Mỗi phân môn chiếm 50% số lượng kiến thức của bài kiểm tra.

*** Về hình thức:**

Đề kiểm tra kết hợp cả hai hình thức: câu hỏi dạng trắc nghiệm khách quan và câu hỏi dạng tự luận. Số lượng câu hỏi không quá 10 câu cho mỗi bài kiểm tra. Đề kiểm tra có cấu trúc như sau:

*** Môn Khoa học:**

- Câu hỏi trắc nghiệm (6 điểm) khoảng 60% số lượng câu hỏi, có đủ các dạng bài tập (trắc nghiệm nhiều lựa chọn, chọn đúng hoặc sai, điền khuyết, viết tiếp vào chỗ trống, đối chiếu cặp đôi, ...)

- Câu hỏi tự luận (4 điểm) khoảng 40% số lượng câu hỏi tùy theo đặc trưng bộ môn.

*** Môn Lịch sử và Địa lí:**

- Phần Lịch sử (5 điểm):

+ Câu hỏi trắc nghiệm khoảng 30% số lượng câu hỏi.

+ Câu hỏi tự luận khoảng 20% số lượng câu hỏi.

- Phần Địa lí (5 điểm):

+ Câu hỏi trắc nghiệm khoảng 30% số lượng câu hỏi.

+ Câu hỏi tự luận khoảng 20% số lượng câu hỏi.

- Câu hỏi trắc nghiệm gồm cả phần Lịch sử và Địa lí có đủ các dạng bài tập (trắc nghiệm nhiều lựa chọn, chọn đúng hoặc sai, điền khuyết, viết tiếp vào chỗ trống, đối chiếu cặp đôi, ...)

- Ở mức 4 chỉ nên sử dụng 1 câu - hoặc nội dung Lịch sử hoặc nội dung Địa lí.

4. 4. Môn tin học và công nghệ (Lớp 3, 4, 5)

*** Về ma trận:**

Căn cứ vào nội dung chương trình để xây dựng ma trận và nội dung đề kiểm tra. Giáo viên xây dựng ma trận theo 3 mức độ (đối với lớp 1, lớp 2, lớp 3 và lớp 4) và 4 mức độ (đối với lớp 5) trước khi thực hiện soạn đề kiểm tra.

*** Về nội dung:**

Đánh giá vì sự tiến bộ của học sinh; coi trọng việc động viên, khuyến khích tích cực và vượt khó trong học tập, rèn luyện của các em; đảm bảo công bằng, khách quan và toàn diện.

- **Đối với môn Tin học lớp 3, 4:** Môn Tin học là môn học bắt buộc trong Chương trình Giáo dục Phổ thông 2018 ở lớp 3 và lớp 4, điểm kiểm tra được sử dụng để đánh giá kết quả học tập trong học kì của học sinh. Đề kiểm tra môn Tin học xoay quanh các nội dung học sinh được học, có liên quan đến những vấn đề thực tế, xung quanh cuộc sống của học sinh. Các bài tập thực hành mang tính vừa sức, không đánh đố.

- **Đối với môn Tin học ở lớp 5:** Đây là môn học tự chọn trong Chương trình Giáo dục Phổ thông theo Quyết định 16/2006, do đó tổ chức kiểm tra lấy điểm, kết quả kiểm tra được sử dụng để đánh giá kết quả học tập trong học kì của học sinh (đối với các học sinh có đăng ký học tự chọn môn Tin học). Nội dung kiểm tra bám sát kiến thức, kĩ năng học sinh được học trong học kì.

- **Đối với môn Công nghệ lớp 3, 4:** Đây là môn học bắt buộc trong Chương trình Giáo dục Phổ thông 2018, điểm kiểm tra được sử dụng để đánh giá kết quả học tập trong học kì của học sinh. Đề kiểm tra môn Công nghệ chú trọng đến khả năng vận dụng kiến thức vào xử lí các vấn đề trong thực tế, việc sử dụng các thiết bị công nghệ hằng ngày trong đời thường của học sinh.

*** Về hình thức:**

**** Môn Tin học**

- Đề kiểm tra kết hợp cả hai hình thức trắc nghiệm khách quan và tự luận hoặc bài tập thực hành trên máy theo tỉ lệ:

+ Trắc nghiệm (tỉ lệ 50% số điểm)

+ Tự luận hoặc bài tập thực hành trên máy (tỉ lệ 50% số điểm)

- Tỉ lệ khuyến nghị mức độ:

+ Mức 1: 50%, mức 2: 30%, mức 3: 20% (đối với lớp 1, lớp 2, lớp 3 và lớp 4)

+ Mức 1: 40%, mức 2: 30%, mức 3: 20%, mức 4: 10%, (đối với lớp 5)

**** Môn Công nghệ (lớp 3, 4)**

- Đề kiểm tra kết hợp cả hai hình thức câu hỏi trắc nghiệm khách quan và tự luận hoặc sản phẩm dự án theo tỉ lệ:

+ Các câu hỏi trắc nghiệm (tỉ lệ 50% số điểm)

+ Các câu hỏi tự luận hoặc sản phẩm dự án (tỉ lệ 50% số điểm)

- Tỉ lệ khuyến nghị mức độ: Mức 1: 50%, mức 2: 30%, mức 3: 20%.

4. 5. NGOẠI NGỮ :

*** Về ma trận:**

Xây dựng nội dung ma trận đề của từng khối lớp căn cứ vào nội dung dạy học kiến thức, kỹ năng được quy định trong từng bộ tài liệu chính thức, không sử dụng nội dung trong các tài liệu/phần mềm hỗ trợ, để xác định yêu cầu cần đạt.

Phạm vi và nội dung kiểm tra đến thời điểm kết thúc học kì 1.

Số lượng câu hỏi môn ngoại ngữ 1 theo tỉ lệ mức độ khó sau:

Mức 1 khoảng 50%,

Mức 2 khoảng 30%,

Mức 3 khoảng 20%.

*** Về nội dung:**

Việc đánh giá hoạt động học tập của học sinh phải bám sát mục tiêu và nội dung dạy học của Chương trình, dựa trên yêu cầu cần đạt đối với các kỹ năng giao tiếp ở từng cấp lớp, hướng tới việc giúp học sinh đạt được các bậc quy định về năng lực giao tiếp khi kết thúc các cấp tiểu học. Chỉ thực hiện việc kiểm tra định kì đối với môn Ngoại ngữ ở khối lớp 3, lớp 4 và lớp 5; đối với khối lớp 1 và lớp 2 chỉ tổ chức kiểm tra nhằm mục đích theo dõi sự tiến bộ của học sinh, kết quả không sử dụng để đánh giá kết quả học tập trong học kì của học sinh.

*** Về hình thức:**

Kiểm tra 04 kỹ năng: nghe, nói, đọc và viết. Cụ thể:

- Thời lượng cho kiểm tra 3 kỹ năng nghe, đọc, viết là 35 phút.

- Thời lượng cho kiểm tra kỹ năng nói khoảng tối đa 3 phút/học sinh.

*** Về đáp án và biểu điểm chấm**

Xây dựng đáp án, biểu điểm, hướng dẫn chấm chi tiết; đặc biệt với kỹ năng nói.

Thang điểm 10 là thang điểm cho mỗi kỹ năng (có thể có điểm lẻ 0,5 cho mỗi kỹ năng). Điểm ghi vào học bạ sẽ là điểm trung bình đã làm tròn số của 4 kỹ năng trên.

5. Tổ chức coi kiểm tra:

Giáo viên chủ nhiệm, giáo viên cùng dạy trong lớp và giáo viên lớp trên cùng tham gia coi kiểm tra (riêng đối với lớp 5 do giáo viên chủ nhiệm, giáo viên cùng dạy trong lớp và giáo viên lớp khác khối cùng tham gia coi kiểm tra).

Giáo viên chủ nhiệm lớp làm giám thị 2 và giáo viên lớp trên làm giám thị 1 (riêng với khối lớp 5 thì giám thị 1 sẽ là giáo viên lớp khác khối).

6. Việc chấm bài kiểm tra cuối học kì I

- Thực hiện đánh giá và nhận xét theo quy định tại Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 9 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với HS lớp 1, 2, 3, 4 và Thông tư 22/2014/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 9 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với lớp 5.

- Giáo viên chủ nhiệm, giáo viên cùng dạy trong lớp và giáo viên lớp trên cùng tham gia chấm bài kiểm tra (riêng với khối lớp 5 là giáo viên lớp khác khối).

7. Trường tổ chức họp rút kinh nghiệm sau kiểm tra cuối học kì I

- Hiệu trưởng theo dõi, chỉ đạo việc kiểm tra và thống kê đánh giá, phân tích kết quả để thông báo trong Hội đồng sư phạm về những mặt làm được, những mặt còn hạn chế phải khắc phục ở từng lớp, trong toàn trường với từng thành viên trong Hội đồng sư phạm để thực hiện tốt hơn trong học kì II.

II. KẾ HOẠCH CỤ THỂ

NỘI DUNG	THỜI GIAN THỰC HIỆN	PHÂN CÔNG	GHI CHÚ
Tổ chức vừa dạy bài mới vừa ôn	Tuần 15	Khối trưởng	

tập cho học sinh	11/12/2023 đến 22/12/2023	và GVCN lớp.	
Ban hành các Quyết định kiểm tra GHKI	01/12/2023	HT	
Soạn ma trận, đề kiểm tra	01/12/2023 đến 07/12/2023	KT. GV	Nội dung KT đến hết tuần 16
Duyệt ma trận, đề kiểm tra	Từ ngày 08,09/12/2023	KT, HPCM	
In đề kiểm tra, đóng gói, niêm phong.	18/12/2023 đến 21/12/2023/12/2023	HT HPCM	Tủ đựng đề KT để ở Phòng TV
Xây dựng lịch kiểm tra	8/12/2023	Cô Hạnh	
Lập danh sách giám thị, giám khảo	19/12/2023	Cô Hạnh	
Thông báo lịch kiểm tra về CMHS	11/12/2023	GVCN	
Tổ chức kiểm tra các môn theo lịch ở các lớp.	Từ ngày 21/12/2023 đến hết ngày 05/01/2024	GV	
Tổ chức chấm kiểm tra các môn theo lịch ở các lớp.	Từ ngày 21/12/2023 đến hết ngày 05/01/2024	GV	
Tổ chức thẩm định các môn	09/01/2024	GV	
Nhập điểm, kiểm dò bảng điểm,	10,11,12/01/2024	GV	
Các khối nộp báo cáo rút kinh nghiệm kiểm tra CHKI	Ngày 16/01/2024	Khối trưởng	
Thống kê, tổng hợp báo cáo về PGD	17/01/2024	Cô Hạnh	

Trên đây là Kế hoạch kiểm tra Cuối HKI năm học 2023-2024 của nhà trường, đề nghị các bộ phận chuyên môn, toàn thể giáo viên tổ chức thực hiện kiểm tra Cuối HKI, năm học 2023-2024 đúng quy định, nghiêm túc, chất lượng nhưng nhẹ nhàng, không căng thẳng, không tạo áp lực cho giáo viên, học sinh và cha mẹ học sinh./.

HIỆU TRƯỞNG

Lê Thị Minh Hòa

LỊCH KIỂM TRA ĐỊNH KÌ CUỐI HỌC KÌ I

Năm học: 2023-2024

NGÀY KIỂM TRA	LỚP 1	LỚP 2	LỚP 3	LỚP 4	LỚP 5
Thứ Năm 21/12/2023		ĐTT 7g30	ĐTT 9g20	ĐTT 7g30	ĐTT 9g20
Thứ Sáu 22/12/2023			Tiếng Anh 7g30	Tiếng Anh 14g00	Tiếng Anh 9g20
Thứ sáu 22/12/2023	GV bộ môn hoàn tất nhận xét đánh giá học kỳ I				
Thứ Hai 25/12/2023					
Thứ Ba 26/12/2023			Công nghệ 7g30	Công nghệ 9g20 Khoa 4 10g20	Khoa 5 7g30
Thứ Tư 27/12/2023	Toán 9g20	Tiếng Việt 7g30		Tiếng Việt 7g30	Toán 5 10g20
Thứ Năm 28/12/2023		Toán 9g20	Toán 7g30	Toán 9g20 Sử - Địa 4 10g20	Sử - Địa 5 7g30
Thứ Sáu 29/12/2023	Tiếng Việt 7g30		Tiếng Việt 7g30		
Thứ Ba 2/01/2024					
Thứ Tư 03/01/2024					Tiếng Việt 7g30
Thứ Năm 4/01/2024					
Thứ Sáu 5/1/2024	CHẤM BÀI THẨM ĐỊNH	CHẤM BÀI THẨM ĐỊNH	CHẤM BÀI THẨM ĐỊNH	CHẤM BÀI THẨM ĐỊNH	CHẤM BÀI THẨM ĐỊNH
Thứ Hai 08/01/2024	HOÀN TẤT ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KỲ I				